

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1730/2021/TLST – VHNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chia tài sản chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Lương Thị R, sinh năm 1975.
2. Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1973.

Cùng hộ khẩu thường trú: C83B, khu phố 5, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, bà Lương Thị R và ông Phạm Quốc T cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận chia tài sản chung. Bà R, ông T cư trú tại phường B, thành phố Biên Hòa và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của bà R, ông T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Bà R, ông T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T (cũ) thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25/94, quyển số 06, ngày 23/3/1994. Bà R, ông T xác định có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thu Thảo, sinh năm 1995 và cháu Phạm Quốc Thuận, sinh năm 1997.

Trong quá trình chung sống, ông bà thừa nhận hai vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, khi các bên phát sinh mâu thuẫn đã cố gắng hòa giải nhưng không giải quyết được, hiện nay vợ chồng đã ly thân. Bà R, ông T xác định tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về chia tài sản chung.

Xét thấy bà R, ông T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà R, ông T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lường Thị R và ông Phạm Quốc T.

- Về con chung: Bà Lường Thị R và ông Phạm Quốc T xác định có 02 con chung là cháu Phạm Thị Thu T, sinh năm 1995 và cháu Phạm Quốc Th, sinh năm 1997. Ly hôn cháu T và cháu Th đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà R, ông T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lường Thị R và ông Phạm Quốc T mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000137 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, bà R và ông T đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân nơi cấp giấy đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Phú**